

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 9 - 2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tuấn

Ông Nguyễn Kim Hoir

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyen Dai T (Nguyễn Tôn Đ), sinh năm 1969 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2079 Mclaughlin Ave # 208 San Jose, CA 95122, USA.

- Bị đơn: Bà Tạ Thị Út N, sinh năm 1972 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 76, đường Q, khóm H, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyen Dai T (Nguyễn Tôn Đ) trình bày: Ông và bà Út N kết hôn có đăng ký ngày 06/9/2017, có đăng ký theo qui định của pháp luật Việt Nam. Sau khi kết hôn do điều kiện nơi ở của ông bà cách xa nên vợ chồng không thường xuyên sống chung. Gần đây vợ chồng thường xuyên cãi nhau mỗi lần liên lạc điện thoại.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu xem xét.

Tại Văn bản ý kiến ngày 03/8/2022 bà Tạ Thị Út N trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Dai T về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung **và nợ chung**.

Bà thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Dai T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Nguyên đơn cho rằng vợ chồng không đoàn tụ, hôn nhân không hạnh phúc là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Dai T và bà Tạ Thị Út N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông T và bà N kết hôn tự nguyện theo pháp luật Việt Nam. Thời gian tồn tại hôn nhân ông bà không có con chung, tài sản chung.

Ông bà xác định vợ chồng bất đồng về lối sống, sinh hoạt và điều kiện nơi ở của hai người cách biệt kéo dài, tình cảm vợ chồng thiếu gắn kết, không hạnh phúc nên cùng thống nhất xin ly hôn.

Yêu cầu xin ly hôn của ông T và bà N là tự nguyện nên chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung **và nợ chung**: không có, đương sự không yêu cầu xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, **Điều 147** Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho ông Nguyen Dai T (Nguyễn Tôn Đ) ly hôn với bà Tạ Thị Út N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có, không yêu cầu xem xét nên không xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 28/7/2022, ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000157 tại Cục Thi hành án tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T, bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Yên